TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Quang;

Bà Phạm Thị Thu Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 802/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn H, sinh năm 1986, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng nơi thường trú: Số D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện (nay là thành phố) Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01 ngày 24 tháng 11 năm 2005.

Sau khi kết hôn, bà T và ông H sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông H thường xuyên uống rượu, say xỉn, không chăm lo làm việc, không phụ

giúp vợ và con, việc học hành, chăm sóc nuôi dạy con một mình bà T phải tự lo. Mỗi khi ông H uống rượu về thường xuyên đánh đập, la mắng vợ con, còn cầm dao đe dọa vợ con, có lần gây thương tích cho bà T và chảy máu đầu nhưng do chuyện vợ chồng nên bà T không báo chính quyền địa phương mà để tự vợ chồng giải quyết. Bà T và ông H sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa bà T và ông H xảy ra trầm trọng khoảng từ 03 đến 04 năm nay. Ngoài ra, ông H còn tham gia cờ bạc, gây nợ và một mình bà T phải kiếm tiền trả nợ cho ông H. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông H có hai con chung là Trần Trường G, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2005 và Trần Thị Mỹ P sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Thị Mỹ P sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013. Con chung Trần Trường G, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2005 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 12 năm 2024 ông H không đồng ý ly hôn và mong bà T cho ông H cơ hội thay đổi và muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung. Ngoài ra, ông thống nhất về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản như bà T trình bày và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Bà T có đơn xét xử vắng mặt và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông H; về con chung: Giao con chung là Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; con chung Trần Trường G sinh ngày 20 tháng 12 năm 2005 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản

chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

[2.1] Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông H; ông H thường trú tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bà T và ông H theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H kết hôn vào ngày 24 tháng 11 năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện (nay là thành phố) Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01 ngày 24 tháng 11 năm 2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H chính quyền địa phương không nhận thấy mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, bà T và ông H không tìm được tiếng nói chung, cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H cũng thừa nhận có uống rượu và đánh bà T, vợ chồng đã tìm cách đoàn tụ nhưng không có kết quả, bà T và ông H sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Như vậy, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc nhau.

Bà T và ông H mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con và cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình như vậy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc nhau.

[3.3] Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T yêu cầu trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Thị Mỹ P sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013. Xét, bà T có công việc và thu nhập ổn định, con chung hiện đang sống chung với bà T. Do

đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo và công dân có ích cho xã hội nên giao cháu P cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Con chung Trần Trường G, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2005 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Trần Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Mỹ P sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Con chung Trần Trường G, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2005 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009636 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà